

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
 VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số:            /NQ-HĐND ngày            tháng            năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

| STT           | Nội dung                                               | Ngân sách địa phương | Bao gồm            |                     |
|---------------|--------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------|
|               |                                                        |                      | Ngân sách cấp tỉnh | ngân sách cấp huyện |
| A             | B                                                      | 1=2+3                | 2                  | 3                   |
| TỔNG CHI NSDP |                                                        | 16,719,000           | 9,531,174          | 7,187,826           |
| A             | CHI CÂN ĐỐI NSDP                                       | 16,719,000           | 9,531,174          | 7,187,826           |
| I             | Chi đầu tư phát triển                                  | 5,630,202            | 4,648,442          | 981,760             |
| 1             | Chi đầu tư cho các dự án                               | 5,630,202            | 4,648,442          | 981,760             |
| 3             | Chi đầu tư phát triển khác                             | -                    |                    |                     |
| II            | Chi thường xuyên                                       | 8,769,787            | 2,770,700          | 5,999,087           |
|               | Trong đó:                                              | -                    |                    |                     |
| 1             | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                     | 3,595,478            | 1,018,456          | 2,577,022           |
| 2             | Chi khoa học và công nghệ                              | 26,017               | 26,017             |                     |
| 3             | Chi sự nghiệp môi trường                               | 90,000               | 90,000             |                     |
| III           | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính                       | 1,000                | 1,000              | -                   |
| IV            | Chi thực hiện cải cách tiền lương                      | 1,978,311            | 1,912,382          | 65,929              |
| VI            | Dự phòng ngân sách                                     | 339,700              | 198,650            | 141,050             |
| B             | CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU                          | -                    | -                  | -                   |
| I             | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (vốn sự nghiệp) | -                    | -                  | -                   |
| 1             | Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững     | -                    | -                  | -                   |
| 2             | Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới  | -                    | -                  | -                   |
| II            | Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ                | -                    |                    |                     |
|               | (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)   | -                    |                    |                     |
| C             | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU                          | -                    |                    |                     |